

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LỰC PHỤC VỤ BM SINH THÁI NN

Mục đích : Phục vụ công tác nghiên cứu của CBGD, NCS và sinh viên thực tập tốt nghiệp tại Bộ môn

TT	MÃ TS	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SX	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÍNH NĂNG, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
1	61.04.526.08	Trạm Khí tượng tự động cố định	Cái	01	Nhật	Trạm khí tượng HAU - JICA là trạm tự động ghi chép các yếu tố khí tượng	Thông kê các yếu tố khí tượng phục vụ nghiên cứu và đào tạo
2	61.04.526.09	Trạm Khí tượng tự động di động	Cái	01	Nhật	Tự động ghi các số liệu khí tượng tại thời điểm đặt trạm: nhiệt độ, độ ẩm, hướng gió, tốc độ gió	
3	61.04.528.18	Tủ sấy ED 240	Cái	01	Đức	Thang nhiệt độ hoạt động từ nhiệt độ môi trường +5°C đến 300°C (527°F). Bộ điều khiển DS với bộ thời gian tích hợp từ 0 đến 99 giờ. Cài đặt nhiệt độ kỹ thuật số với độ chính xác 1 độ. Bộ an toàn nhiệt class 2 (DIN 12880) hoạt động độc lập với cảnh báo bằng ánh sáng. Có thể điều chỉnh sự thông gió với cánh thông gió phía sau tủ, ống dẫn đường kính ngoài 50mm. Tùy chọn giao diện RS 422 sử dụng với phần mềm quản lý và lập trình APT-COMTM	áp dụng trong các lĩnh vực sấy khô và khử trùng hàng ngày lên tới 300°C
4	61.04.528.19	Cân kỹ thuật GB2002	Cái	01	Thụy sỹ	Trọng lượng cân: 0~20000g.Độ phân giải: 1g. Kích thước đĩa cân:255*190mm. Kích thước vận chuyển / G. W: 360*300*165mm/3.5kg.Nguồn: kết nối với nguồn 1 chiều	Sử dụng trong cân trọng lượng có độ chính xác cao, phục vụ nghiên cứu và đào tạo.
5	61.04.528.22	Máy xđ tốc độ gió, độ ẩm, bức xạ, nhiệt độ	Cái	01	Mỹ	Tốc độ gió. Nhiệt độ không khí. Độ ẩm RH. Chỉ số bức xạ nhiệt (Heat Stress Index). Màn hình hiển thị LCD lớn. Chức năng giữ HOLD, min/ max	Khảo sát đồng bộ tốc độ gió, độ ẩm, bức xạ và địa điểm tại nơi đặt
6	61.04.528.28	Máy Light meter (đo Bức xạ)	Cái	2	Đức	Dải đo: 0 to 99,999 Lux.Cấp chính xác: ± 3 Lux (compared to reference). Độ phân giải: 1 Lux (0 to 19,999 Lux). Đơn vị : Lux hoặc Fc. Nhiệt độ hoạt động: 0 to +50 °C.	Đo cường độ ánh sáng. Phục vụ nghiên cứu, đào tạo và thực nghiệm liên quan đến ánh sáng.

7	61.04.528.29	Dụng cụ đo độ ẩm đất	Cái	1	Nhật	Kiểm cảm biến: tích hợp đầu đo tiếp xúc. Thang đo: 0 - 50 %. Độ phân giải: 0.1 %. Hiển thị LCD 28x19mm	Dùng để xác định độ ẩm đất trong nghiên cứu và thực nghiệm.
8	61.04.528.30	Dụng cụ đo độ ẩm không khí	Cái	1	Thuyết	Phạm vi đo độ ẩm: 0 ~ 100% RH. Độ chính xác khi đo độ ẩm: + 2% RH (ở 25°C, 20% ~ 80% RH), + 2,5% RH (ở phạm vi khác). Độ phân giải: 0.01% RH,	Dùng để xác định độ ẩm không khí trong nghiên cứu và thực nghiệm.
9	61.04.528.33	Máy đo gió cầm tay	Cái	1	Đài loan	80 ~ 3937 ft/min0.4 ~ 20.0 m/s1.4 ~ 72.0 km/h1.4 ~ 72.0 km/h0.9 ~ 44.7 mile/h0.8 ~ 38.8 knots	Xác định được tốc độ gió tại địa điểm và thời điểm đo.
10	61.04.528.34	Dụng cụ đo cường độ ánh sáng TestoT540	Cái	1	TQ	Hãng sản xuất: TESTO- Đức. Dải đo: 0 to 99,999 Lux.Cấp chính xác: ± 3 Lux (compared to reference). Độ phân giải: 1 Lux (0 to 19,999 Lux). Đơn vị : Lux hoặc Fc. Nhiệt độ hoạt động: 0 to +50 °C. Nguồn cấp: 2 batteries Type AAA	Đo cường độ ánh sáng. Phục vụ nghiên cứu, đào tạo và thực nghiệm liên quan đến ánh sáng.

Liên Hệ : Nguyễn Xuân Xanh, ĐT:0964350428